

Bản án số: 433/2020/DS-PT
Ngày 18 – 9 – 2020
V/v “*tranh chấp đòi QSDĐ; yêu cầu hủy
Giấy chứng nhận QSDĐ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tũu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2020/TLPT-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2020; về việc “*tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” (gọi tắt là: *GCN.QSDĐ*). Do bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2019/DS-ST, ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3298/2020/QĐ-PT, ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Hoàn L, sinh năm 1973; cư trú tại: Số 617, tổ 3, khóm Vĩnh Tây, phường Núi Sam, thành phố CĐ, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc Th, sinh năm 1933; cư trú tại: Số 289, tổ 5, ấp VK, xã VT, thành phố CĐ, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc Th: Ông Lê Thanh V, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 264, tổ 8, ấp BC, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang (giấy Ủy quyền ngày 19/7/2018 - có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân (gọi tắt là: UBND) thành phố CĐ, tỉnh An Giang (Có đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng)

Trụ sở: Khóm CQ 3, phường CP B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Thanh V là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Ngọc Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hồ Hoàn L trình bày:

Ông Hồ Văn Đ và bà Nguyễn Thị Nh (là cha, mẹ ruột của ông Hồ Hoàn L) có diện tích đất tại xã VT, thành phố CĐ; cụ thể:

- Diện tích 8.583m² GCN.QSĐĐ số 01268QSĐĐ/dE do UBND thị xã CĐ (nay là thành phố CĐ) cấp ngày 01/6/1992 do ông Hồ Văn Đ đứng tên.

- Diện tích 4.500 m² GCN.QSĐĐ số 04758 ngày 12/8/2002 do UBND thị xã CĐ cấp cho ông Hồ Văn Đ đứng tên. Năm 2003 ông Đ có chuyển nhượng cho ông Trần Văn Đ1 chủ cây xăng Nam Định diện tích 1.754 m² được điều chỉnh trang 4 GCN.QSĐĐ.

Ông Hồ Văn Đ chết không để lại di chúc. Ngày 22 tháng 8 năm 2012, bà Nguyễn Thị Nh (vợ ông Đ) Hồ Hoàn L, Hồ Thị Kim Ph và Hồ Hữu V (là các con của ông Đ và bà Nh) là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ lập Văn bản phân chia di sản thừa kế được công chứng tại Văn phòng Công chứng CĐ và lập Phụ lục văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 01/8/2013 được công chứng tại Văn phòng công chứng PT.Theo đó thì ông Hồ Hoàn L được quyền làm chủ hai thửa đất có tổng diện tích là 6.511 m².

Ngày 05/8/2013 ông Hồ Hoàn L có đơn đề nghị cấp đổi GCN.QSĐĐ nông nghiệp và được UBND thành phố CĐ cấp GCN.QSĐĐ số CH05406 ngày 29/7/2014 thuộc tờ bản đồ số 45, thửa số 520 và 977, tổng diện tích 6.511 m² do ông Hồ Hoàn L đứng tên.

Vào ngày 07/4/2018, ông Trần Ngọc Th ngang nhiên cắm hai cây cọc bằng trụ đá xâm phạm diện tích đất theo kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh CĐ là 250 m². Ông L yêu cầu ông Th phải nhổ 2 cây cọc bằng trụ đá trả lại 250 m² đất.

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông L thừa nhận diện tích 250 m² đang tranh chấp ông đang quản lý sử dụng, nên ông thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu đòi QSĐĐ, chỉ yêu cầu ông Th nhổ 2 (hai) cây cọc bằng trụ đá trả lại hiện trạng đất.

Bị đơn ông Trần Ngọc Th do ông Lê Thanh V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông V thừa nhận ông Th có trồng hai cây cọc bằng trụ đá trên vị trí đất như ông L trình bày, nhưng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bởi vì: Toàn bộ diện tích đất cấp Quốc lộ 91 chạy dài lên cây xăng Nam Định là do ông Th tự khai mở từ lâu và trực tiếp sử dụng và có đóng thuế hàng năm nhưng

chưa được cấp GCN.QSDĐ. Mục đích ông Th trồng hai cây trụ đá trên đất để sau đó đề nghị UBND thành phố CD cấp GCN.QSDĐ cho ông.

Năm 2011 giữa ông Th và bà Nh có tranh chấp đất tại UBND xã VT nhưng chưa được giải quyết, năm 2014 UBND thành phố CD lại cấp GCN.QSDĐ cho ông L. Do đất đang có tranh chấp mà lại cấp GCN.QSDĐ cho ông L, hơn nữa việc cấp GCN.QSDĐ cho ông L không có các hồ sơ dụng đất kê cận ký xác định ranh mốc trong đó có hộ ông Th, vì vậy ông Th yêu cầu hủy GCN.QSDĐ số CH05406 ngày 29/7/2014 của UBND thành phố CD cấp cho ông Hồ Hoàn L đứng tên. Trường hợp GCN.QSDĐ cấp cho ông L sau này thuộc thửa đất 977, tờ bản đồ số 45, diện tích 2.809 m² mà được chuyển từ GCN.QSDĐ số 04758 QSDĐ ngày 12/8/2002 diện tích 4.500 m² do UBND thị xã CD cấp cho ông Hồ Văn Đ thì ông thừa nhận là đất của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND thành phố CD có đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nhưng tại văn bản số 1174/UBND-NC ngày 18/4/2019 và văn bản số 2745/UBND-NC ngày 23/8/2019 UBND thành phố CD có ý kiến như sau:

- Nguồn gốc và quá trình biến động hình thành GCN.QSDĐ số CH05406 ngày 29/7/2014 do UBND thành phố CD cấp cho ông Hồ Hoàn L:

+ Ông Hồ Văn Đ được UBND thị xã CD (nay là thành phố CD) cấp GCN.QSDĐ số 01268 QSDĐ/dE ngày 01/6/1992 diện tích 8.583 m² và GCN.QSDĐ số 04758 QSDĐ/dE ngày 12/8/2002, đính chính ngày 22/9/2003, diện tích 2.746 m².

+ Căn cứ vào văn bản phân chia di sản thừa kế số 132- Quyền số 01/CC-TPTS do văn phòng công chứng CD lập ngày 22/8/2012 và chứng thực ngày 24/9/2012 và Phụ lục Văn bản phân chia di sản thừa kế số 191 - Quyền số 01TP/CC-SCC-TPTS do Văn phòng công chứng PT lập ngày 01/8/2013 và chứng thực cùng ngày.

+ Đơn đăng ký cấp đổi GCN.QSDĐ nông nghiệp của ông Hồ Hoàn L ngày 05/8/2013 được UBND xã VT xác nhận ngày 06/8/2013, Văn phòng đăng ký QSDĐ xác nhận ngày 11/12/2013.

Trên cơ sở đó UBND thành phố CD cấp GCN.QSDĐ số CH05406 ngày 29/7/2014 thuộc tờ bản đồ số 45, thửa đất số 520 và 977 cho ông Hồ Hoàn L diện tích 6.511,0 m², đất tại xã VT.

- Trình tự, quy trình cấp GCN.QSDĐ của ông Hồ Hoàn L:

Việc cấp GCN.QSDĐ của ông Hồ Hoàn L được thực hiện đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của UBND tỉnh An Giang quy định về đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quản lý QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Đối với yêu cầu của ông Trần Ngọc Th yêu cầu hủy GCN.QSĐĐ số CH05406 ngày 29/7/2014 do UBND thành phố CD cấp cho ông Hồ Hoàn L là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2019/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 34, Điều 147, Điều 228, Điều 244, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hoàn L.

Buộc ông Trần Ngọc Th do ông Lê Thanh V đại diện phải tháo dỡ và di dời 02 (hai) cây trụ đá để trả lại hiện trạng đất cho ông Hồ Hoàn L, tại vị trí số 7, 8 theo Bản trích đo hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CD, tỉnh An Giang lập ngày 15/02/2019.

(Kèm theo Bản án là Bản trích đo hiện trạng ngày 15/02/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CD, tỉnh An Giang).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc Th do ông Lê Thành V đại diện về yêu cầu hủy GCN.QSĐĐ số CH05406 ngày 29/7/2014 của UBND thành phố CD cấp cho ông Hồ Hoàn L.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 08/01/2020, ông Lê Thanh V người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Ngọc Th có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Lý do kháng cáo: Tòa sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tình tiết, tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ kiện, phán quyết không khách quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th.

Vì thế, yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng: Công nhận hiện trạng sử dụng đất của ông Trần Ngọc Th và ông Hồ Hoàn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người kháng cáo ông Trần Ngọc Th do ông Lê Thanh V đại diện trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên.

- Ông Hồ Hoàn L trình bày: Không đồng ý kháng cáo của ông Th, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Đối với kháng cáo của ông Trần Ngọc Th: Là không có căn cứ, do ông V đại diện cho ông Th không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện đất nơi ông Th cắm các trụ đá là đất của ông Th, trong khi đất ông L được cấp GCN.QSĐĐ là do nhận thừa kế và được cấp đúng quy định, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa sơ thẩm xử ngày 26 tháng 12 năm 2019 đến 08 tháng 01 năm 2020 ông Trần Ngọc Th (do ông Lê Thanh V) đại diện có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nên kháng cáo của ông Th là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

[1] Đối với kháng cáo của bà ông Trần Ngọc Th, xét:

[1.1] Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Diện tích 6.511m² tại xã VT, thành phố CD GCN.QSĐĐ số CH05406 ngày 29/7/2014 thuộc tờ bản đồ số 45, thửa đất số 520 và 977 của UBND thành phố CD cấp cho ông Hồ Hoàn L có nguồn gốc do được phân chia theo Văn bản phân chia tài sản và được tách thửa một phần từ GCN.QSĐĐ 01268 QSĐĐ/dE ngày 01/6/1992 diện tích 8.583 m² và GCN.QSĐĐ số 04758 QSĐĐ/dE ngày 12/8/2002, đính chính ngày 22/9/2003, diện tích 2.746 m² của UBND thị xã CD (nay là thành phố CD) cấp cho ông Hồ Văn Đ.

Ông Lê Thanh V là người đại diện theo ủy quyền cho ông Th thì cho rằng giữa ông Trần Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Nh đang có tranh chấp QSĐĐ tại xã VT nhưng chưa được giải quyết. Theo ông V toàn bộ diện tích đất cấp Quốc lộ 91 chạy dài lên cây xăng Nam Định là do ông Th tự khai mở từ những năm 1965, trực tiếp sử dụng và có đóng thuế hàng năm, nhưng chưa được cấp GCN.QSĐĐ, cho nên ông Th trồng hai cây trụ đá trên đất với mục đích đề nghị UBND thành phố CD cấp GCN.QSĐĐ cho ông Th. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày ra thì ông V cũng như ông Th không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh được QSĐĐ của ông Th. Tại biên bản hòa giải về việc tranh chấp đất ngày 31/5/2018 của UBND xã VT, thành phố CD ông Th có ý kiến: Ông thừa nhận có cắm hai trụ đá nhưng phần đất đó là nương Lý Thị Cầm do Nhà nước quản lý không thuộc phần đất của ông L, nên ông không đồng ý nhổ hai cây trụ mà ông đã trồng.

Căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 15/02/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CĐ thể hiện:

- Các điểm 7, 8, 17 là hai trụ đá do ông Trần Ngọc Th hướng dẫn;
- Các điểm 4, 8, 17, 18 bằng 250 m² là diện tích đất tranh chấp thuộc GCN.QSDD số CH05406.

Như vậy, từ QSDD được UBND thị xã CĐ (nay là thành phố CĐ) cấp cho ông Hồ Văn Đ đứng tên và quá trình chuyển quyền sử dụng một phần diện tích đất nêu trên cho ông Hồ Hoàn L (do phân chia tài sản) là đúng quy định của pháp luật. Ông L là chủ sử dụng hợp pháp và kết quả đo đạc thể hiện ông Th đã trồng hai cây trụ đá trên phần đất thuộc GCN.QSDD số CH05406 ngày 29/7/2014 của UBND thành phố CĐ cấp ông L đứng tên. Việc ông Th trồng hai cây trụ đá đã làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất, nên ông L khởi kiện yêu cầu ông Th phải nhổ và di dời hai cây trụ đá để trả lại hiện trạng đất là có cơ sở chấp nhận theo quy tại Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 166 của Luật đất đai năm 2013.

Theo bản trích đo hiện trạng thể hiện ông Th trồng 03 (ba) cây nóng bằng trụ đá thể hiện tại các điểm 8, 7 và 17. Tuy nhiên tại biên bản xem xét thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và tại phiên tòa sơ thẩm ông L cũng xác nhận cây nóng bằng trụ đá thể hiện vị trí số 17 đã thất lạc nên chỉ còn lại 02 (hai) cây tại vị trí số 7 và số 8.

[1.2]. Xét yêu cầu phản tố của của bị đơn:

Ông Lê Thanh V đại diện cho ông Trần Ngọc Th yêu cầu hủy GCN.QSDD số CH05406 ngày 29/7/2014 của UBND thành phố CĐ cấp ông L đứng tên; lý do: Diện tích đất đang tranh chấp chưa được giải quyết, không mời những hộ sử dụng đất kề cận ký xác định ranh mốc.

Theo ý kiến của UBND thành phố CĐ và căn cứ vào hồ sơ trích lục cấp GCN.QSDD thể hiện: GCN.QSDD số CH05406 ngày 29/7/2014 của UBND thành phố CĐ cấp ông L đứng tên được chuyển quyền sử dụng một phần diện tích từ hai GCN.QSDD của UBND thị xã CĐ (nay là thành phố CĐ cấp cho ông Hồ Văn Đ) theo Văn bản phân chia di sản thừa kế số 132- Quyền số 01/CC-TPTS do văn phòng công chứng CĐ lập ngày 22/8/2012 và chứng thực ngày 24/9/2012 và Phụ lục Văn bản phân chia di sản thừa kế số 191-Quyền số 01TP/CC-SCC-TPTS do Văn phòng công chứng PT lập ngày 01/8/2013 và chứng thực cùng ngày và quá trình chuyển quyền sử dụng, UBND thành phố CĐ đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu của ông Trần Ngọc Th do ông Lê Thanh V đại diện về yêu cầu hủy GCN.QSDD số CH05406

ngày 29/7/2014 của UBND thành phố CD cấp cho ông Hồ Hoàn L là không có cơ sở chấp nhận.

[1.3] Từ những Viện dẫn trên Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Hoàn L, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Ngọc Th là đúng quy định của pháp luật. Và về tố tụng Tòa sơ thẩm thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa người tham gia tố tụng đầy đủ, đồng thời không có vi phạm khác nên không có căn cứ hủy án. Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của ông Th do ông V đại diện, giữ nguyên án sơ thẩm.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Ngọc Th là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn án phí cho ông Th.

[3] Các phần khác của án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 169 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Ngọc Th do ông Lê Thanh V làm đại diện; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 81/2019/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hoàn L.

Buộc ông Trần Ngọc Th do ông Lê Thanh V đại diện phải tháo dỡ và di dời 02 (hai) cây trụ đá để trả lại hiện trạng đất cho ông Hồ Hoàn L, tại vị trí số 7, 8 theo Bản trích đo hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CD, tỉnh An Giang lập ngày 15/02/2019.

(Kèm theo Bản án là Bản trích đo hiện trạng ngày 15/02/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh CD, tỉnh An Giang).

3/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc Th do ông Lê Thanh V đại diện về yêu cầu hủy GCN.QSDD số CH05406 ngày 29/7/2014 của UBND thành phố CD cấp cho ông Hồ Hoàn L.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Ngọc không phải nộp.

5/ Các phần khác của án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSNDCC tại TPHCM.
- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND tỉnh An Giang.
- Cục THADS tỉnh An Giang.
- Các đương sự (3).
- Lưu HS (02) VP (5) 14b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu